

**TIN THỊ TRƯỜNG**

**Bản tin Kinh tế Ngành Giấy**  
được phát hành mỗi tuần một số  
vào thứ 3 hàng tuần, là thông tin  
tổng hợp về thị trường bột giấy,  
giấy, đầu tư và công nghệ ngành  
giấy trong nước và thế giới...



**HIỆP HỘI GIẤY VÀ BỘT GIẤY VIỆT NAM**

**HỘI NGHỊ TOÀN THỂ HỘI VIÊN  
& HỘI THẢO KỸ THUẬT NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIẤY  
VIỆT NAM 2019**

**Ngày 05 tháng 7 năm 2019**



**HIỆP HỘI GIẤY VÀ BỘT GIẤY VIỆT NAM**

**HỘI NGHỊ CÔNG NGHIỆP GIẤY VÀ  
BỘT GIẤY ASEAN LẦN THỨ 34  
THE 34<sup>th</sup> CONFERENCE OF FEDERATION OF ASEAN  
PULP AND PAPER INDUSTRIES (FAPPI)**

**31<sup>st</sup> Oct. - 2<sup>nd</sup> Nov. 2019**

**TRONG SỐ NÀY:**

Thị trường trong nước  
Giấy bao bì tiếp tục giảm giá tại Trung Quốc  
Bột giấy nhập khẩu giảm giá tại Trung Quốc  
Nine Dragons cắt giảm tại Chongqing  
Jiangnan khởi chạy tissue PM  
Giá bột nhập khẩu tại Trung Quốc  
Giá bột nhập khẩu tại Đông Bắc Á, DNA  
Giá RCP nhập khẩu tại Trung Quốc  
Giá RCP nhập khẩu tại DL và DNA  
Shanying xây dựng nhà máy tại Malaysia  
Long Chen mở rộng sản xuất tại Đài Loan

**TRONG NƯỚC:**

**Nhập khẩu:**

*Bột giấy:* (BHK, BEK, Acacia, BCTMP, Fluff Pulp, NBSK, BSK): Số lượng nhập 8.043 tấn, tăng 32,7% so tuần trước;

*Giấy loại thu hồi:* (OCC, ONP, OMG...): Số lượng nhập 60.261 tấn, tăng 15,1% so tuần trước;

**Xuất khẩu:**

*Giấy in, viết:* Số lượng xuất khẩu 201 tấn, giảm 9,8% so tuần trước;

*Giấy tissue:* Số lượng xuất khẩu 1.297 tấn, giảm 15,3% so tuần trước;

*Giấy làm bao bì:* Số lượng xuất khẩu 17.045 tấn, tăng 17,8% so tuần trước;

*Giấy vàng mã:* Số lượng xuất khẩu 2.921 tấn, giảm 7,2% so tuần trước.

**Nhập khẩu:**

*Giấy in báo:* Số lượng nhập khẩu 1.132 tấn, tăng 41,8% so tuần trước;

*Giấy in viết:* Số lượng nhập khẩu 5.336 tấn, giảm 4,8% so tuần trước;

*Giấy in, viết có tráng:* Số lượng nhập khẩu 3.658 tấn, tăng 9,4% so tuần trước;

*Giấy tissue:* Lượng nhập khẩu 1.127 tấn, tăng 24,8% so tuần trước;

*Giấy làm bao bì không tráng:* Số lượng nhập khẩu 13.016 tấn, tăng 20% so tuần trước;

*Giấy làm bao bì có tráng:* Số lượng nhập khẩu 16.562 tấn, tăng 23% so tuần trước;

*Giấy tự nhân bản:* Số lượng nhập 826 tấn, tăng 2,9% so tuần trước;

*Giấy vắn thuốc lá điều:* Số lượng nhập 598 tấn, giảm 14,8% so tuần trước;

*Giấy làm nền sản xuất giấy tráng nhôm&trắng bạc:* Lượng nhập 715 tấn, tăng 23,8% so tuần trước;

*Giấy sản xuất bát, đĩa, đế cốc bằng giấy:* Lượng nhập 811 tấn, tăng 13,4% so tuần trước;

*Giấy in nhiệt:* Số lượng nhập 712 tấn, giảm 18,7% so tuần trước.

**Giá giấy nội địa (VAT):**

*Giấy bao bì lớp sóng nội địa:* Loại 100-150 g/m<sup>2</sup>, dạng cuộn, giá bán 10.000.000 – 10.600.000 VND/tấn;

*Giấy bao bì lớp mặt nội địa:* Loại 120-150 g/m<sup>2</sup>, dạng cuộn, giá bán 11.000.000 – 11.500.000 VND/tấn;

*Giấy in, viết nội địa:* Loại 70 g/m<sup>2</sup> ISO>90 dạng cuộn, giá dao động từ 21.300.000 – 21.800.000 VND/tấn, có VAT;

*Giấy photocopy nội địa:* Loại A4 thương hiệu Clever UP 70 g/m<sup>2</sup> giá bán ~50.000 VND/ram, có VAT.

*Giấy tissue nội địa:* Làm khăn 2 lớp, dạng cuộn, định lượng 15,5 - 17g/m<sup>2</sup>, giá 28.500.000 – 29.500.000 VND/tấn.

**Giá giấy nhập khẩu:**

*Giấy in báo:* Dạng cuộn 45g 16.200.000 – 17.000.000 VND/tấn, tùy theo chất lượng;

*Giấy in viết:* Loại 70 g/m<sup>2</sup>, dạng cuộn, 21.300.000 – 22.000.000 VND/tấn, tùy chất lượng, xuất xứ Đông Nam Á;

*Giấy tissue:* loại 13.5g/m<sup>2</sup>, 02 lớp làm khăn, 27.900.000 VND/tấn, xuất xứ Indonesia;

*Giấy làm bao bì ximăng:* Loại 80 g/m<sup>2</sup>, 17.000.000 – 17.800.000 VND/tấn;

*Giấy bao bì lớp sóng:* loại 105-150 g/m<sup>2</sup>, 10.200.000 – 11.000.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

*Giấy bao bì lớp mặt:* 130-150 g/m<sup>2</sup>, 11.600.000 – 12.500.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á;

*Giấy in tráng phủ hai mặt (Couche):* Loại 230 g/m<sup>2</sup>, 20.800.000 – 21.500.000 VND/tấn;

*Bìa ngà (Ivory Board):* Loại 210 – 300 g/m<sup>2</sup>, 20.000.000 – 25.600.000 VND/tấn, tùy chất lượng;

*Bìa duplex có tráng một mặt:* Loại 300–400g/m<sup>2</sup>, 13.500.000-15.800.000 VND/tấn, xuất xứ Đông Nam Á.

*Giấy sản xuất bát, đĩa, đế cốc bằng giấy:* Dạng cuộn, xuất xứ Hàn Quốc, 27.500.000 – 28.000.000 VND/tấn.

*Giấy làm nền sản xuất giấy tráng nhôm, 33g/m<sup>2</sup>:* Dạng cuộn, loại 33g/m<sup>2</sup>, 29.400.000 - 30.000.000 VND/tấn.

*Nguồn (TCty Giấy VN, An Hòa, Việt Thắng, Xương Giang, Sài Gòn...).*

## Giấy bao bì tiếp tục giảm giá tại Trung Quốc

Tại thị trường Trung Quốc, giá các loại giấy bao bì hòm hộp tái chế tiếp tục giảm mạnh vào đầu tháng 4, sau khi đã giảm trong suốt tháng 3.2019.

Nine Dragons Paper (Holdings) dẫn đầu các nhà sản xuất đã giảm giá đối với giấy kraft-top-liner, testliner và medium. Mức giảm trung bình khoảng

100-150 RMB/tấn (tương đương 15-22 USD/tấn).

Thời gian quý II thông thường là mùa thấp điểm truyền thống của ngành bao bì Trung Quốc. Nhưng năm nay, nhu cầu này còn thấp hơn mọi năm do ảnh hưởng suy giảm của kinh tế Trung Quốc và căng thẳng thương mại với Mỹ vẫn chưa được giải quyết.

Hàng tồn kho cao, nên bắt buộc các công ty phải giảm giá để duy trì sản xuất. Tuy vậy, các nhà sản xuất nhỏ đang chịu áp lực chi phí cao hơn do không được tiếp cận với nguồn RCP nhập khẩu giá thấp mà chỉ phụ thuộc vào các nguồn thu gom trong nước.

*RISI News/4.2019*

## Bột giấy nhập khẩu tại Trung Quốc xuống giá do ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế VAT

Cuối tháng 3.2019, nhà sản xuất và cung cấp bột giấy hàng đầu thế giới Suzano đã thỏa thuận được với khách hàng Trung Quốc về việc cung ứng bột BEK vào thị trường này. Sau thỏa thuận này, Công ty đã cung ứng 400.000 tấn bột BEK.

Đầu tháng 4.2019, giá bột BHK đã được chốt giá ở mức 670-720 USD/tấn. Tuy nhiên do sự cạnh tranh khốc liệt nên một số nhà cung cấp đã hạ giá BHK, một số hợp đồng đã giao hàng BEK với mức giá thấp nhất là 650 USD/tấn. Các nhà cung cấp lớn ở Nam Mỹ cho biết 720 USD/tấn bột BEK là giá niêm yết của họ và họ đang cung cấp ở mức giá 700 USD/tấn cho các đơn hàng khối lượng lớn. Trong khi đó, những khách hàng mua khối lượng nhỏ vẫn phải trả 720 USD/tấn cho bột BEK.

Chính phủ Trung Quốc đã cắt giảm thuế VAT từ 16% xuống 13%, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2019. Do ảnh hưởng của VAT nên một nhà sản xuất lớn của Indonesia đã chào giá 670 USD/tấn cho đơn hàng khối lượng lớn. Một nhà sản xuất Nhật Bản đã cắt giảm mức giá của BHK từ 670 USD/tấn xuống còn 650USD/tấn, giao hàng tháng 5.2019. Cuối cùng, giá BHK đã giảm 20USD/tấn ở mức thấp, chốt 650-720 USD/tấn.

Mức tồn kho bột giấy tại các cảng Trung Quốc hiện đang là mối quan tâm của cả nhà cung cấp và người mua trong nhiều tháng qua. Theo khảo sát của UM Paper, công ty con của RISI Fastmarkets tại Thượng Hải, tồn kho bột giấy tại cảng Changshu, một trong hai điểm giao hàng bột giấy lớn ở Trung Quốc, hiện còn 560.000 tấn, đã giảm 70.000 tấn so với 630.000 tấn

đã thông báo vào tháng 3. Tại cảng Qingdao, tồn kho bột giấy đã giảm 30.000 tấn, từ 1,13 triệu tấn trước xuống còn 1,1 triệu tấn. Tồn kho trong tháng 2 là 1,15 triệu tấn. Tổng tồn kho tại cả hai cảng là 1,66 triệu tấn, trong đó 65-70% là BHK và 30-40% là bột BSK và các loại khác.

Giá bán BSK đang bị đình trệ, mặc dù người bán đang cố gắng tìm kiếm sự tăng giá, nhưng lượng cung lớn nên nỗ lực tăng giá không đạt được. Để duy trì hoạt động kinh doanh, người bán đã giảm giá cho các nhà máy lớn, dẫn đến giảm giá chung. Bột BSK phương Bắc chốt giá tại 680-720 USD/tấn, giảm 20 USD/tấn. Bột gỗ thông radiata giảm 10 USD/tấn xuống còn 690-720 USD/tấn. Tuy nhiên, bột BSK của Nga vẫn giữ ở mức 690-710 USD/tấn.

*RISI News/4.2019*

## Nine Dragons ngừng máy, cắt giảm sản lượng tại Chongqing

Nine Dragons Paper (Holdings) đã thông báo cho khách hàng về thời gian ngừng máy từ ngày 9 đến 24 tháng 4 tại nhà máy ở thành phố Chongqing, trong khi giá sản phẩm giấy bao bì tái chế tiếp tục giảm.

Nhà máy Chongqing có 4 dây chuyền sản xuất giấy bao bì tái chế với tổng công suất 1,9 triệu tấn/năm.

Một trong số đó có công suất 550.000 tấn/năm, sản xuất bìa duplex gluwng xám. Ba dây chuyền khác sản xuất giấy bao bì hòm hộp tái chế.

Việc ngừng máy bảo trì sẽ dẫn đến việc cắt giảm tổng nguồn cung ước tính 84.000 tấn, bao gồm 24.000 tấn bìa duplex lưng xám và 60.000 tấn giấy bao bì hòm hộp tái chế.

*PPI Asia/3.2019*

## Jiangnan Paper khởi chạy dây chuyền tissue 20.000 tấn/năm tại Guangxi, China

Công ty Jiangnan Paper vừa khởi chạy thương mại dây chuyền giấy tissue công suất 20.000 tấn/năm tại nhà máy Liujing, Naning, Guangxi. Dây chuyền do công ty Mianyang Tongcheng Auto-Equipment cung cấp, khổ rộng 2,85m, tốc độ thiết kế 1.200 m/phút, định lượng 14-30 g/m<sup>2</sup>.

Tại nhà máy Liujing còn hai dây chuyền tissue khác, mỗi dây chuyền công suất 20.000 tấn/năm, sử dụng nguyên liệu bột gỗ nguyên thủy và bột bã mía. Tại Binyang, Jiangnan Paper còn ba máy tissue nhỏ với tổng công suất khoảng 13.000 tấn/năm.

*PPI Asia/4.2019*

| GIÁ BỘT GIẤY NHẬP KHẨU TẠI TRUNG QUỐC -- <i>Giá tịnh, USD/tấn, CIF, trừ khi có thông báo khác</i> |               |         |         |               |                          |             |           |        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|---------|---------------|--------------------------|-------------|-----------|--------|
|                                                                                                   | Giá hiện hành |         |         | Giá năm trước | Giá hiện hành so với giá |             |           |        |
|                                                                                                   | 12/4/19       | 29/3/19 | 15/3/19 | 13/4/18       | Tuần trước               | tháng trước | năm trước |        |
| Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)                                                                  |               |         |         |               |                          |             |           |        |
| NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)                                                                           | 680-720       | 700-720 | 680-720 | 870-900       | -10                      | -           | -185      | -20,9% |
| Thông radiata (Chile)                                                                             | 690-720       | 700-720 | 690-710 | 860-880       | -5                       | +5          | -165      | -19,0% |
| BSK Nga                                                                                           | 690-710       | 690-710 | 670-690 | 870-890       | -                        | +20         | -180      | 20,50% |
| Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)                                                                 |               |         |         |               |                          |             |           |        |
| Bạch đàn                                                                                          | 650-720       | 670-720 | 680-720 | 760-775       | -10                      | -15         | -83       | -10,7% |
| BHK Nga                                                                                           | 650-670       | 660-670 | 670-680 | 760-770       | -5                       | -15         | -105      | -13,7% |
| Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)                                                                  |               |         |         |               |                          |             |           |        |
| Chile, Bắc Mỹ                                                                                     | 700-710       | 700-710 | 700-710 | 860-880       | -                        | -           | -165      | -19,0% |
| Nga                                                                                               | 655-690       | 655-690 | 655-690 | 825-850       | -                        | -           | -165      | -19,7% |
| BCTMP                                                                                             |               |         |         |               |                          |             |           |        |
| Gỗ cứng (độ trắng 80)                                                                             | 540-550       | 540-550 | 540-550 | 680           | -                        | -           | -135      | -19,9% |
| Gỗ mềm (độ trắng 75)                                                                              | 520-540       | 520-540 | 520-530 | 620-630       | -                        | +5          | -95       | -15,2% |

PPI Asia/4.2019

| GIÁ BỘT NHẬP KHẨU TẠI HAN QUOC, NHAT BAN, ĐÀI LOAN - ĐÔNG NAM Á -- <i>Giá tịnh, USD/tấn, CIF,</i> |               |         |         |               |                          |           |        |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|---------|---------------|--------------------------|-----------|--------|
|                                                                                                   | Giá hiện hành |         |         | Giá năm trước | Giá hiện hành so với giá |           |        |
|                                                                                                   | T3/2019       | T2/2019 | T1/2019 | T3/2018       | tháng trước              | năm trước |        |
| <b>Bột kraft gỗ mềm tẩy trắng (BSK)</b>                                                           |               |         |         |               |                          |           |        |
| NBSK (Bắc Mỹ và Bắc Âu)                                                                           | 700-740       | 680-720 | 690-730 | 890-930       | +20                      | -190      | -20,9% |
| Thông radiata (Chile)                                                                             | 690-720       | 675-715 | 655-695 | 885-925       | +10                      | -200      | -22,1% |
| Thông phương nam (Mỹ)                                                                             | 670-690       | 660-680 | 640-660 | 875-915       | +10                      | -215      | -24,4% |
| <b>Bột kraft gỗ cứng tẩy trắng (BHK)</b>                                                          |               |         |         |               |                          |           |        |
| Bạch đàn                                                                                          | 645-690       | 625-685 | 615-685 | 760-795       | +13                      | -110      | -14,1% |
| Keo (Indonesia)                                                                                   | 640-690       | 625-660 | 615-650 | 750-790       | +23                      | -105      | -13,6% |
| Gỗ cứng hỗn hợp phương bắc                                                                        | 645-670       | 625-650 | 615-640 | 750-785       | +20                      | -110      | -14,3% |
| Gỗ cứng hỗn hợp phương nam                                                                        | 645-670       | 625-650 | 615-640 | 750-785       | +20                      | -110      | -14,3% |
| <b>Bột kraft gỗ mềm không tẩy (USK)</b>                                                           |               |         |         |               |                          |           |        |
| Chile, Bắc Mỹ                                                                                     | 705-715       | 705-715 | 705-715 | 875-885       | -                        | -170      | -19,3% |
| <b>BCTMP</b>                                                                                      |               |         |         |               |                          |           |        |
| Gỗ dương                                                                                          | 590-700       | 590-700 | 590-700 | 710-820       | -                        | -120      | -15,7% |
| Hỗn hợp                                                                                           | 590-700       | 590-700 | 590-700 | 710-820       | -                        | -120      | -15,7% |
| Gỗ vân sam                                                                                        | 590-700       | 590-700 | 590-700 | 710-820       | -                        | -120      | -15,7% |

PPI Asia/4.2019

| GIÁ GIẤY THU HỒI NHẬP KHẨU TẠI TRUNG QUỐC -- <i>Giá tịnh, USD/tấn, CIF, tới các cảng chính ở Trung Quốc</i> |               |         |         |               |                          |             |           |        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|---------|---------------|--------------------------|-------------|-----------|--------|
|                                                                                                             | Giá hiện hành |         |         | Giá năm trước | Giá hiện hành so với giá |             |           |        |
|                                                                                                             | 12/4/19       | 05/4/19 | 29/3/19 | 13/4/18       | Tuần trước               | Tháng trước | năm trước |        |
| <b>Nhập từ Mỹ</b>                                                                                           |               |         |         |               |                          |             |           |        |
| Thùng sóng cũ - OCC (11)                                                                                    | na            | 135-145 | 135-145 | na            | na                       | na          | na        | na     |
| OCC lựa đúp (12)                                                                                            | 150-160       | 150-170 | 150-170 | 200-220       | -5                       | -10         | -55       | -26,2% |
| DLK (13)                                                                                                    | 190-200       | 190-200 | 190-200 | 240-260       | -                        | -           | -55       | -22,0% |
| Giấy văn phòng chọn lựa (37)                                                                                | 250-260       | 250-260 | 250-260 | 310-330       | -                        | -           | -65       | -20,3% |
| Báo cũ chọn lựa (58) - SCN                                                                                  | 175-180       | 175-180 | 175-180 | na            | -                        | -           | -33       | -15,5% |
| <b>Nhập từ Châu Âu</b>                                                                                      |               |         |         |               |                          |             |           |        |
| Thùng sóng cũ - OCC (1.05)                                                                                  | 145-155       | 150-160 | 150-160 | 160-175       | -5                       | -5          | -18       | -10,4% |
| Báo cũ (2.01)                                                                                               | 160-170       | 160-170 | 160-170 | na            | -                        | -           | na        | na     |
| <b>Nhập từ Nhật Bản</b>                                                                                     |               |         |         |               |                          |             |           |        |
| Thùng sóng cũ                                                                                               | 160-170       | 160-170 | 160-170 | 190-195       | -                        | -           | -28       | -14,3% |
| Báo cũ                                                                                                      | 250-260       | 250-260 | 250-260 | 230-240       | -                        | -           | +20       | +8,5%  |

PPI Asia/4.2019

| <b>GIÁ GIẤY LOẠI NHẬP KHẨU Ở ĐÀI LOAN VÀ ĐÔNG NAM Á--</b> <i>Giá tịnh, USD/tấn, CIF.</i> |                      |                  |                      |                                 |             |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------|---------------------------------|-------------|-----------|
|                                                                                          | <b>Giá hiện hành</b> |                  | <b>Giá năm trước</b> | <b>Giá hiện hành so với giá</b> |             |           |
|                                                                                          | <b>05/4/2019</b>     | <b>22/3/2019</b> | 06/4/2018            | ba tuần trước                   | tháng trước | năm trước |
| Bìa và Giấy hỗn hợp                                                                      |                      |                  |                      |                                 |             |           |
| Nhập từ Mỹ (54)                                                                          | 50-55                | 50-70            | na                   | -8                              | -8          | na        |
| Nhập từ châu Âu (1.02)                                                                   | 50-55                | 50-70            | na                   | -8                              | -8          | na        |
| Nhập từ Nhật Bản                                                                         | 150-170              | 130-140          | na                   | +25                             | +25         | na        |
| Thùng sóng cũ (OC)                                                                       |                      |                  |                      |                                 |             |           |
| OCC 11 từ Mỹ                                                                             | 130-140              | 140-150          | na                   | -10                             | -10         | na        |
| OCC (90/10) từ châu Âu                                                                   | 120-130              | 125-135          | na                   | -5                              | -5          | na        |
| OCC từ Nhật Bản                                                                          | 147-150              | 135-140          | na                   | +11                             | +11         | na        |
| Giấy báo cũ                                                                              |                      |                  |                      |                                 |             |           |
| Nhập từ Mỹ                                                                               | 145-155              | 140-150          | na                   | +5                              | +5          | na        |
| Nhập từ châu Âu                                                                          | 135-145              | 130-140          | na                   | +5                              | +5          | na        |

*PPI Asia/4.2019*

## Shanying International xây dựng nhà máy công suất 2 triệu tấn/năm tại Malaysia

Shanying International Holdings đã ký thỏa thuận xây dựng một nhà máy giấy bao bì lớn ở Malaysia, sử dụng giấy thu hồi (RCP) làm nguyên liệu đầu vào.

Thỏa thuận đầu tư có giá trị 1,8 tỷ USD, xây dựng nhà máy công suất 2 triệu tấn/năm tại KCN Samalaju ở Bintulu, Sarawak, Malaysia.

Hiện nay, Malaysia đang trở thành điểm đến cho các công ty Trung

Quốc xây dựng các nhà máy để sản xuất bột giấy và giấy bao bì từ nguyên liệu giấy thu hồi, sau khi Trung Quốc hạn chế nhập khẩu RCP.

Một công ty khác là Lee&Man được cho đã có kế hoạch xây dựng nhà máy với tổng công suất 700.000 tấn/năm giấy bao bì và 550.000 tấn/năm bột giấy tái chế ở Sepang, Selangor, Malaysia.

Hai công ty Zhejiang Xinshengda Holding Group đã mua 121 ha đất ở Kulim, Kedah, và cũng có kế hoạch xây dựng một nhà máy giấy duplex công suất 700.000 tấn/năm. Và Zhejiang Jingxing đặt mục tiêu xây dựng một tổ hợp sản xuất ở Selangor có tổng công suất 800.000 tấn/năm bột giấy tái chế và 600.000 tấn/năm giấy bao bì hòm hộp tái chế.

*RISI News/4.2019*

## Long Chen Paper tạm dừng mở rộng sản xuất tại Trung Quốc, xây dựng mới tại Đài Loan

Trước sự kiểm soát chặt chẽ đối với việc nhập khẩu giấy thu hồi (RCP) của Chính phủ Trung Quốc, Long Chen Paper đã quyết định tạm dừng việc lắp đặt dây chuyền giấy bao bì hòm hộp tái chế công suất 300.000 tấn/năm tại Songzi, Hubei.

Tuy nhiên, công ty lại chọn tiếp tục mở rộng nhà máy duy nhất tại Đài Loan.

Long Chen Paper đã thông báo sẽ đầu tư 227 triệu USD để mở rộng và nâng cấp cơ sở Erh Lin, một dây chuyền công suất 200.000 tấn/năm sẽ khởi chạy vào năm 2020, với sản phẩm chính là giấy lớp sóng giữa có định lượng thấp.

Công ty hiện nay đang vận hành bốn dây chuyền sản xuất giấy bao bì hòm hộp tái chế với tổng công suất 650.000 tấn/năm tại nhà máy Erh Lin, Songzi. Long Chen Paper là một trong các công ty đầu tư vào Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi chính sách hạn chế nhập khẩu RCP.

Ngoài nhà máy tại Songzi, Long Chen còn điều hành hai nhà máy sản xuất giấy bao bì hòm hộp tái chế lớn khác ở Đông Trung Quốc, với tổng công suất 1,8 triệu tấn/năm.

Mặc dù là nhà sản xuất giấy bao bì hòm hộp lớn thứ tư tại Trung Quốc, nhưng năm 2018 công ty chỉ được cấp giấy phép nhập khẩu RCP 35.901 tấn, chỉ chiếm 2% trong số 18,2 triệu tấn được chính phủ Trung Quốc phê duyệt cho các công ty. Nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất của Long Chen trong năm 2018 chủ yếu dựa trên giấy thu hồi thu gom trong nước.

Dự kiến Chính phủ Trung Quốc sẽ cấm nhập khẩu RCP hoàn toàn vào cuối năm 2020, nhưng Long Chen vẫn tiếp tục lắp đặt dây chuyền 350.000 tấn/năm tại nhà máy Songzi.

*PPI Asia/4.2019*

### VPPA News

Tuần tin về thị trường bột giấy, giấy và thông tin đầu tư, công nghệ trong nước và thế giới của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam.

#### Ban Biên tập

Nguyễn Việt Đức, VPPA; Hoàng Trung Sơn, VPPA;  
Đặng Văn Sơn, VPPA; Vũ Thị Hồng Mận, VPPA;  
Cao Đức Bằng, VINAPACO; Lê Huy Dư, VPPA.